

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁP LUẬT QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI TÀI SẢN MÃ HÓA VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN CẨM NHUNG¹ - VĂN ĐỨC TIẾN² - LÊ VĂN LĨNH¹
- NGUYỄN TUẤN KIỆT³ - NGUYỄN THỊ HỒNG LỰA¹

¹Khoa Luật, Học viện Ngân hàng

²Faculty of Science, Technology and Engineering, Adelaide University

³Khoa Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

TÓM TẮT:

Nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng pháp luật quản lý thuế đối với tài sản mã hóa và thực tiễn thi hành tại Việt Nam trên cơ sở kết hợp lý luận và thực tiễn. Kết quả cho thấy hệ thống pháp luật hiện hành chưa xác định rõ địa vị pháp lý của tài sản mã hóa, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng các quy định thuế và quản lý giao dịch phát sinh. Các quy định liên quan chủ yếu được vận dụng gián tiếp từ pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, dân sự và phòng, chống rửa tiền, làm phát sinh sự thiếu thống nhất trong quá trình thực thi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất hoàn thiện khung pháp lý theo hướng định danh rõ tài sản mã hóa, xây dựng cơ chế thu thuế phù hợp và tăng cường năng lực quản lý nhằm bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả trong bối cảnh kinh tế số.

Từ khóa: tài sản mã hóa, quản lý thuế, pháp luật thuế, thuế thu nhập cá nhân, kinh tế số; Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong thời gian qua, công nghệ chuỗi khối (blockchain) đã tái cấu trúc căn bản các hình thái trung gian tài chính truyền thống, thúc đẩy sự xuất hiện của tài sản mã hóa (crypto-assets) như một lớp tài sản mới trong nền kinh tế số. Từ một đối mới công nghệ mang tính thử nghiệm, tài sản mã hóa đã phát triển thành một thị trường có quy mô vốn hóa hàng nghìn tỷ USD, với vai trò ngày càng rõ nét trong hoạt

động đầu tư, lưu trữ giá trị, thanh toán và huy động vốn xuyên biên giới. Các nghiên cứu của OECD và IMF chỉ ra, tài sản mã hóa đang từng bước trở thành một thành tố cấu trúc của hệ sinh thái tài chính toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh tài chính phi tập trung (DeFi)¹ và số hóa tài chính diễn ra mạnh mẽ² (OECD, 2023; IMF, 2023). Tuy nhiên, tính phi tập trung, mức độ ẩn danh tương đối và khả năng chuyển dịch giá trị xuyên biên giới đã làm suy giảm hiệu quả

của các cơ chế quản trị truyền thống, đặt ra thách thức đáng kể đối với quản lý thuế, phòng chống rửa tiền và ổn định tài chính.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam nổi lên như một trong những quốc gia có mức độ chấp nhận tài sản mã hóa cao trên thế giới. Theo Global Crypto Adoption Index 2023 của Chainalysis, Việt Nam đứng đầu toàn cầu trong các năm 2021 và 2022, và xếp thứ ba vào năm 2023³.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng để hệ thống hóa các khái niệm lý luận về tài sản mã hóa, bản chất kinh tế - pháp lý của thu nhập từ tài sản mã hóa và các nguyên tắc đánh thuế trong nền kinh tế số. Thông qua phân tích cấu trúc và tổng hợp các luận điểm lý thuyết, nghiên cứu làm rõ sự khác biệt giữa tài sản mã hóa và các loại tài sản truyền thống, từ đó xác định các thách thức thể chế đối với hệ thống thuế hiện hành. Phương pháp so sánh luật học và benchmarking được sử dụng nhằm đối chiếu khung pháp lý và thực tiễn quản lý thuế của Việt Nam với các chuẩn mực quốc tế⁴, đặc biệt là các khuyến nghị của OECD và mô hình quản lý thuế của Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Singapore. 3 khu vực tài phán này được lựa chọn như các mô hình thể chế đại diện (institutional archetypes): mô hình thị trường dẫn dắt (market - driven model), mô hình hài hòa hóa pháp lý (harmonization model) và mô hình điều tiết thích ứng (adaptive regulatory model). Phân tích so sánh cho phép nhận diện sự khác biệt trong cách định danh tài sản mã hóa, xác định sự kiện chịu thuế và cơ chế cưỡng chế thuế, qua đó rút ra bài học thể chế phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Phương pháp thống kê và phân tích dữ liệu thứ cấp được sử dụng để lượng hóa quy mô thị trường tài sản mã hóa và đánh giá tác động của chúng đối với cơ sở thuế. Nguồn dữ liệu bao gồm các báo cáo của Chainalysis, Triple-A, OECD, IMF, World Bank và các cơ quan quản lý trong nước như Tổng cục Thuế và Ngân hàng Nhà nước. Dữ liệu định lượng được sử dụng không chỉ để mô tả hiện tượng mà còn để kiểm nghiệm các luận điểm lý thuyết về sự biến đổi của quyền lực tài khóa trong nền kinh tế số.

Tuy nhiên, nghiên cứu thừa nhận một số hạn chế phương pháp luận. *Thứ nhất*, dữ liệu tài sản mã hóa có thể chịu sai số đo lường (measurement error) và thiên lệch đo lường (measurement bias) do tính ẩn danh của blockchain và thiếu minh bạch của các sàn giao dịch phi tập trung. *Thứ hai*, phân tích so sánh pháp luật có thể chịu thiên lệch chọn mẫu (selection bias) do tập trung vào các khu vực tài phán phát triển. Để kiểm soát các sai lệch này, nghiên cứu áp dụng chiến lược tam giác hóa dữ liệu bằng cách đối chiếu nhiều nguồn độc lập và đặt kết quả so sánh trong bối cảnh thể chế cụ thể của Việt Nam nhằm tránh áp dụng cơ học mô hình nước ngoài.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng pháp luật về thuế đối với tài sản mã hóa

Trước năm 2017, hệ thống pháp luật Việt Nam gần như chưa có quy định trực tiếp điều chỉnh hiện tượng tài sản mã hóa. Trong giai đoạn này, các cơ quan quản lý nhà nước chủ yếu sử dụng các thuật ngữ như “tiền ảo” hoặc “tài sản ảo”, phản ánh cách tiếp cận thận trọng đối với một hiện tượng công nghệ mới có nhiều yếu tố rủi ro. Quan điểm quản lý ban đầu của Nhà nước được thể hiện rõ trong Công văn số 5747/NHNN-PC năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước⁵, trong đó khẳng định rằng Bitcoin và các loại tiền ảo tương tự không phải là phương tiện thanh toán hợp pháp tại Việt Nam. Quan điểm này tiếp tục được củng cố trong Nghị định số 101/2012/NĐ-CP⁶ về thanh toán không dùng tiền mặt và Nghị định số 80/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định này. Theo các quy định nói trên, việc phát hành, cung ứng và sử dụng các phương tiện thanh toán không hợp pháp có thể bị xử phạt hành chính hoặc xử lý theo quy định của pháp luật. Có thể thấy rằng trong giai đoạn này, cách tiếp cận của Nhà nước chủ yếu tập trung vào việc kiểm soát rủi ro đối với hệ thống thanh toán và phòng ngừa các hành vi gian lận tài chính, thay vì xem xét tài sản mã hóa như một loại tài sản đầu tư trong nền kinh tế.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ blockchain và sự gia tăng mạnh mẽ của thị trường tiền mã hóa trên toàn cầu, Chính phủ Việt

Nam đã bắt đầu có những động thái chính sách nhằm nghiên cứu và xây dựng khung pháp lý phù hợp. Một dấu mốc quan trọng là Quyết định số 1255/QĐ-TTg⁷ năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án hoàn thiện khung pháp lý quản lý tài sản ảo, tiền điện tử và tiền ảo. Quyết định này giao cho nhiều bộ, ngành liên quan tiến hành nghiên cứu và đề xuất các giải pháp pháp lý nhằm quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan đến tài sản số.

Gần đây hơn, Quyết định số 194/QĐ-TTg năm 2024 về Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống rửa tiền cũng đã đề cập đến việc xây dựng cơ chế quản lý đối với các nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo⁸ (Virtual Asset Service Providers - VASP), phù hợp với các khuyến nghị của FATF⁹. Những động thái chính sách này cho thấy Nhà nước Việt Nam đã bắt đầu chuyển từ cách tiếp cận mang tính phòng ngừa sang cách tiếp cận chủ động nghiên cứu và xây dựng cơ chế quản lý đối với tài sản mã hóa.

Song song với các động thái chính sách, dữ liệu thị trường cho thấy, mức độ phát triển mạnh mẽ của thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam. Theo báo cáo Global Crypto Adoption Index 2023 của Chainalysis¹⁰, Việt Nam xếp thứ ba thế giới về mức độ tiếp nhận tài sản mã hóa. Tổng giá trị tài sản mã hóa được người dùng tại Việt Nam nhận về trong năm 2023 ước tính khoảng 120 tỷ USD. Ngoài ra, theo báo cáo của Triple-A (2023), Việt Nam có khoảng 16 triệu người sở hữu tiền mã hóa, tương đương khoảng 16,6% dân số¹¹. Quy mô thị trường lớn như vậy cho thấy tài sản mã hóa đã trở thành một hiện tượng kinh tế - tài chính đáng kể tại Việt Nam. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của thị trường này lại diễn ra trong bối cảnh khung pháp lý vẫn chưa hoàn thiện, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý thuế.

3.2. Thực tiễn thi hành

Thực tiễn thi hành pháp luật về thuế đối với tài sản mã hóa tại Việt Nam cho thấy còn nhiều vướng mắc xuất phát từ việc thiếu khung pháp lý cụ thể và đồng bộ. Nội dung trong tài liệu nghiên cứu cho thấy các cơ quan quản lý hiện nay chủ yếu xử lý các vấn đề phát sinh theo hướng linh hoạt, dựa trên các quy định pháp luật hiện hành về thuế và dân sự, thay vì có một

cơ chế riêng biệt dành cho tài sản mã hóa. Theo nghiên cứu của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2007), thu nhập từ chuyển nhượng tài sản thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân, song việc xác định tài sản mã hóa có thuộc phạm vi điều chỉnh hay không vẫn chưa được hướng dẫn rõ ràng, dẫn đến sự lúng túng trong thực tiễn áp dụng.

Dữ liệu thực tế cho thấy, Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ tiếp cận tài sản mã hóa cao. Theo báo cáo của Chainalysis năm 2023, Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm các quốc gia dẫn đầu về chỉ số chấp nhận tiền mã hóa toàn cầu. Quy mô thị trường ngày càng mở rộng, số lượng nhà đầu tư cá nhân gia tăng nhanh chóng. Mặc dù vậy, hoạt động kê khai và nộp thuế từ các giao dịch liên quan đến tài sản mã hóa chưa được thực hiện phổ biến. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ tính ẩn danh của giao dịch, sự thiếu minh bạch trong việc xác định giá trị tài sản và chưa có quy định bắt buộc cụ thể.

Theo nghiên cứu của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ luật Dân sự đã bước đầu tạo cơ sở pháp lý khi công nhận quyền tài sản là một loại tài sản hợp pháp. Cách tiếp cận này có thể được vận dụng để xem xét tài sản mã hóa dưới góc độ pháp lý, song việc chuyển hóa thành các quy định thuế cụ thể vẫn còn bỏ ngỏ. Điều này gây khó khăn trong việc xác định căn cứ tính thuế, thời điểm phát sinh nghĩa vụ thuế cũng như cơ chế quản lý phù hợp.

Hoạt động thi hành còn chịu tác động từ rủi ro liên quan đến rửa tiền và giao dịch xuyên biên giới. Theo nghiên cứu của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2022), Luật Phòng, chống rửa tiền đã mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các giao dịch có yếu tố công nghệ, tạo nền tảng cho việc kiểm soát tài sản mã hóa. Dù vậy, hiệu quả thực thi còn hạn chế do thiếu công cụ giám sát chuyên biệt và cơ chế phối hợp liên ngành. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu cần sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực quản lý nhằm bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong thu thuế đối với tài sản mã hóa.

3.3. Giải pháp hoàn thiện

Giải pháp thứ nhất là vận dụng mạnh hơn cơ chế

khẩu trừ tại nguồn, khai thay và nộp thay đối với các giao dịch diễn ra trong khu vực thí điểm có cấp phép. Khi các sản phẩm giao dịch tài sản mã hóa được đưa vào khuôn khổ pháp lý chính thức, các nền tảng này có thể đóng vai trò tương tự như các tổ chức trung gian tài chính truyền thống trong hệ thống thuế. Theo đó, khi người dùng thực hiện giao dịch bán tài sản mã hóa và phát sinh thu nhập, sản phẩm giao dịch có thể tự động khấu trừ một tỷ lệ thuế nhất định trước khi chuyển tiền về tài khoản của người dùng. Cơ chế này giúp giảm đáng kể tình trạng thất thu thuế do cá nhân không tự giác kê khai thu nhập từ giao dịch crypto.

Bên cạnh cơ chế khấu trừ tại nguồn, pháp luật cũng cần thiết lập nghĩa vụ khai thay và nộp thay đối với các nền tảng giao dịch. Theo mô hình này, các sản phẩm giao dịch có trách nhiệm tổng hợp dữ liệu giao dịch của người dùng và gửi báo cáo định kỳ cho cơ quan thuế. Cơ quan thuế sau đó có thể đối chiếu dữ liệu này với thông tin kê khai của người nộp thuế để phát hiện các trường hợp sai lệch hoặc khai thiếu thu nhập. Mô hình quản lý này hiện đang được nhiều quốc gia áp dụng trong lĩnh vực chứng khoán và có thể được điều chỉnh để phù hợp với đặc thù của thị trường tài sản mã hóa.

Ngoài ra, việc áp dụng cơ chế khấu trừ tại nguồn còn góp phần tạo ra sự công bằng giữa các loại tài sản trong hệ thống thuế. Khi thu nhập từ chứng khoán, bất động sản hoặc tiền gửi ngân hàng đều chịu cơ chế khấu trừ tại nguồn, việc áp dụng cơ chế tương tự đối với tài sản mã hóa sẽ giúp tránh tình trạng chênh lệch nghĩa vụ thuế giữa các kênh đầu tư khác nhau.

Giải pháp thứ hai là tái cấu trúc công tác thanh tra - kiểm tra theo hướng quản trị rủi ro dữ liệu thay vì kiểm tra đại trà. Trong bối cảnh số lượng giao dịch tài sản mã hóa có thể lên tới hàng triệu giao dịch mỗi ngày trên các nền tảng blockchain toàn cầu, phương thức thanh tra truyền thống dựa trên kiểm tra hồ sơ thủ công không còn phù hợp. Khối lượng dữ liệu giao dịch khổng lồ và tốc độ luân chuyển vốn rất cao của thị trường tài sản mã hóa khiến các phương pháp kiểm tra truyền thống trở nên kém hiệu quả và tốn kém chi phí hành chính. Thay vào đó, cơ quan thuế cần phát triển năng lực phân tích dữ liệu lớn (big data

analytics) và ứng dụng các công cụ phân tích blockchain nhằm phát hiện các mô hình giao dịch bất thường. Cách tiếp cận dựa trên phân tích dữ liệu cho phép cơ quan thuế xác định các trường hợp rủi ro cao để tập trung nguồn lực kiểm tra, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị thuế trong bối cảnh nền kinh tế số phát triển nhanh chóng. Theo OECD, việc áp dụng phân tích dữ liệu lớn trong quản lý thuế có thể giúp cơ quan thuế chuyển từ mô hình kiểm tra phản ứng sang mô hình quản trị rủi ro chủ động¹² (OECD, 2021).

Các công cụ phân tích blockchain hiện nay cho phép truy vết dòng tiền trên sổ cái phân tán và xác định các mối liên hệ giữa các ví điện tử khác nhau. Nhờ đặc tính minh bạch của công nghệ blockchain, mọi giao dịch đều được ghi lại vĩnh viễn trên hệ thống sổ cái phân tán và có thể được phân tích bằng các thuật toán chuyên dụng. Nhờ đó, cơ quan quản lý có thể phát hiện các hành vi như chuyển tài sản qua nhiều ví trung gian nhằm che giấu nguồn gốc thu nhập hoặc sử dụng các dịch vụ trộn tiền (crypto mixers) để ẩn danh dòng tiền. Hiệu quả của các công cụ phân tích on-chain đã được chứng minh trong thực tiễn quốc tế. Theo báo cáo thường niên về tội phạm tiền mã hóa của Chainalysis, các cơ quan thực thi pháp luật và quản lý tài chính được trang bị công cụ phân tích blockchain có thể truy vết phần lớn các giao dịch công khai trên chuỗi khối và lập bản đồ các dòng tiền liên quan đến hoạt động bất hợp pháp¹³ (Chainalysis, 2024). Điều này cho thấy mặc dù blockchain mang tính chất ẩn danh tương đối, các dấu vết kỹ thuật của giao dịch vẫn có thể được khai thác để phục vụ công tác quản lý nhà nước và phòng chống gian lận tài chính.

4. Kết luận

Việc hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế đối với tài sản mã hóa là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh nền kinh tế số phát triển mạnh mẽ và các giao dịch tài sản số ngày càng phổ biến tại Việt Nam. Tài sản mã hóa với đặc điểm phi tập trung, tính ẩn danh và phạm vi hoạt động xuyên biên giới đã tạo ra nhiều thách thức đối với hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt trong việc xác định đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế và cơ chế quản lý phù hợp. Thực tiễn nghiên cứu cho

thấy, khung pháp lý hiện nay mới chỉ dừng ở mức độ điều chỉnh gián tiếp thông qua các quy định về dân sự, thuế thu nhập cá nhân và phòng, chống rửa tiền, chưa hình thành một cơ chế quản lý thống nhất và chuyên biệt.

Kết quả phân tích chỉ ra, sự thiếu rõ ràng về địa vị pháp lý của tài sản mã hóa đã ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả thi hành pháp luật thuế. Việc chưa có quy định cụ thể về phương pháp xác định giá trị tài sản, thời điểm phát sinh thu nhập và nghĩa vụ thuế dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, đồng thời làm gia tăng nguy cơ thất thu ngân sách nhà nước. Tính ẩn danh của các giao dịch cũng tạo điều kiện cho các hành vi trốn thuế hoặc lợi dụng công nghệ nhằm né tránh nghĩa vụ tài chính.

Yêu cầu hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này

cần hướng đến việc xây dựng một khung pháp lý đồng bộ, minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc xác định rõ khái niệm và địa vị pháp lý của tài sản mã hóa, thiết lập cơ chế quản lý thuế hiệu quả, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ trong giám sát giao dịch là những yếu tố quan trọng. Song song với đó, cần nâng cao năng lực của cơ quan quản lý và tăng cường phối hợp liên ngành nhằm kiểm soát rủi ro phát sinh.

Hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế đối với tài sản mã hóa không chỉ góp phần bảo đảm công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế mà còn tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của thị trường tài sản số. Đây là tiền đề quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tận dụng cơ hội từ chuyển đổi số trong nền kinh tế Việt Nam ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

- ¹OECD. (2023). International Standards for Automatic Exchange of Information in Tax Matters: Crypto-Asset Reporting Framework and 2023 update to the Common Reporting Standard. OECD Publishing.
- ²International Monetary Fund. (2023). Global financial stability report. International Monetary Fund.
- ³International Monetary Fund. (2023). Global financial stability report. International Monetary Fund.
- ⁴Hall, P. A., & Soskice, D. (2001). Varieties of capitalism: The institutional foundations of comparative advantage. Oxford University Press.
- ⁵Hall, P. A., & Soskice, D. (2001). Varieties of capitalism: The institutional foundations of comparative advantage. Oxford University Press.
- ⁶Chính phủ (2012). Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 80/2016/NĐ-CP, ngày 01/7/2016).
- ⁷Thủ tướng Chính phủ. (2017). Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 phê duyệt Đề án hoàn thiện khung pháp lý để quản lý, xử lý đối với các loại tài sản ảo, tiền điện tử, tiền ảo.
- ⁸Thủ tướng Chính phủ. (2024). Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 23/02/2024 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt giai đoạn 2021-2025.
- ⁹Financial Action Task Force. (2023). Virtual Assets: Targeted Update on Implementation of the FATF Standards on Virtual Assets and Virtual Asset Service Providers. Paris: Financial Action Task Force.
- ¹⁰Chainalysis. (2023). Global Crypto Adoption Index 2023. Chainalysis.
- ¹¹Triple-A. (2023). Cryptocurrency Ownership Data.
- ¹²OECD. (2021). Tax Administration 2021: Comparative Information on OECD and other Advanced and Emerging Economies. OECD Publishing.
- ¹³Chainalysis. (2024). Crypto Crime Report 2024. Chainalysis.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Chính phủ (2025). Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 9/9/2025 về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Hiệp hội Blockchain Việt Nam-VBA (2024). Dự thảo Luật Công nghiệp Công nghệ Số, ngày 25/07/2024.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2017). Công văn số 5747/NHNN-PC ngày 21/7/2017 gửi Văn phòng Chính phủ về vấn đề tiền ảo.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024). Báo cáo về quản lý tài sản mã hóa và rủi ro đối với hệ thống tài chính.

Quốc hội (2007). Luật Thuế thu nhập cá nhân (Luật số 04/2007/QH12, ngày 21/11/2007) được sửa đổi bổ sung năm 2012, năm 2014, năm 2023.

Quốc hội (2007) Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12, ngày 21/11/2007 (sửa đổi bổ sung 2012, 2014, 2023).

Quốc hội (2015). Bộ luật Dân sự (Luật số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015).

Quốc hội (2022). Luật Phòng, chống rửa tiền (Luật số 14/2022/QH15, ngày 15/11/2022).

Ngày nhận bài: 16/3/2026
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 26/03/2026
Ngày chấp nhận đăng bài: 8/4/2026

CURRENT LEGAL FRAMEWORK
AND PRACTICAL CHALLENGES IN THE TAX
ADMINISTRATION OF CRYPTO ASSETS IN VIETNAM:
LEGAL ISSUES AND SOLUTIONS

- NGUYEN CAM NHUNG¹
- VAN DUC TIEN²
- LE VAN LINH¹
- NGUYEN TUAN KIET³
- NGUYEN THI HONG LUA¹

¹Faculty of Law, Banking Academy of Vietnam

²Faculty of Science, Technology and Engineering, Adelaide University

³Faculty of Banking, Banking Academy of Vietnam

ABSTRACT:

This study examines Vietnam’s legal framework governing the tax administration of crypto assets through an integrated analysis of both theoretical foundations and practical implementation. The findings reveal that the absence of a clear legal definition and status for crypto assets has created significant challenges in the application of tax regulations and the effective oversight of related transactions. Existing rules are applied primarily through indirect references to personal income tax, civil law, and anti-money laundering legislation, resulting in regulatory fragmentation and inconsistencies in enforcement. In response to these shortcomings, the study proposes the establishment of a comprehensive legal framework that formally recognizes crypto assets, introduces appropriate tax collection mechanisms, and enhances institutional capacity to promote greater transparency, consistency, and efficiency in tax administration within the evolving digital economy.

Keywords: crypto assets, tax administration, tax law, personal income tax, digital economy, Vietnam.